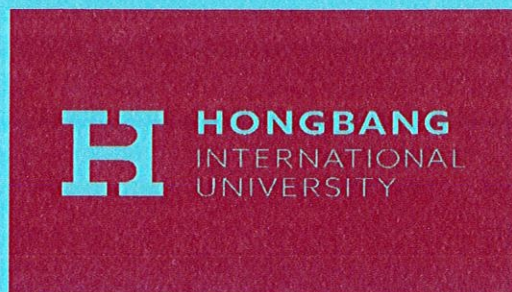


BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG
KHOA XÉT NGHIỆM Y HỌC



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC
(Áp dụng từ năm học 2019 – 2020)

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2019

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: **425/QĐ-HIU** ngày **8** tháng **8** năm **2019**
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng)

Tên chương trình : **Kỹ thuật Xét nghiệm Y học**

Trình độ đào tạo : **Đại học**

Ngành đào tạo : **Kỹ thuật Xét nghiệm Y học**

Mã ngành : **7720601**

Loại hình đào tạo : **Chính quy**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân xét nghiệm y học chuyên ngành Xét nghiệm có ý đức; có kiến thức khoa học cơ bản vững; có kiến thức và kỹ năng về chuyên ngành ở trình độ đại học; làm chủ được các kỹ thuật xét nghiệm thuộc lĩnh vực: Vi sinh, Ký sinh trùng, Hóa sinh, Huyết học truyền máu, Miễn dịch và Giải phẫu bệnh; có khả năng tự học vươn lên, tham gia nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.2 Chuẩn đầu ra

❖ Kiến thức

Trình bày được nguyên tắc, cách đo, cách tính kết quả của các kỹ thuật xét nghiệm và nguyên lý hoạt động của các máy xét nghiệm đã được sử dụng tại trường và bệnh viện.

Có kiến thức về bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm và lập được kế hoạch bảo đảm chất lượng cho phòng xét nghiệm tuyến tính.

Có kiến thức về tổ chức PXN an toàn sinh học (ATSH), đánh giá và lập được kế hoạch phòng ngừa nguy cơ ATSH.

Có kiến thức về mối liên quan giữa xét nghiệm và bệnh học, về phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành xét nghiệm.

Có trình độ tiếng Anh tương đương B1 khung Châu Âu khi tốt nghiệp.

❖ Kỹ năng

Làm được thành thạo các XN hóa sinh, huyết học, vi sinh, ký sinh bằng cách sử dụng các bộ thuốc thử bán sẵn. Pha chế được các dung dịch chuẩn, thuốc nhuộm, thuốc thử, môi trường nuôi cấy theo từng chuyên khoa.

Sử dụng và bảo quản được các thiết bị xét nghiệm được học tại trường và bệnh viện.



Chạy và đánh giá được nội và ngoại kiểm tra, biết tìm nguyên nhân sai số XN và đề ra biện pháp khắc phục.

Tổ chức và quản lý được hoạt động của PXN y học tuyến tỉnh đạt an toàn sinh học cấp 2.

Chủ trì được đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở thuộc chuyên ngành xét nghiệm.

❖ **Thái độ**

Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh. Khiêm tốn học tập, chân thành hợp tác với đồng nghiệp. Trung thực, khách quan, cẩn trọng trong công việc chuyên môn.

❖ **Vị trí và khả năng công tác sau khi tốt nghiệp**

Các PXN bệnh viện, Viện nghiên cứu, Trường đại học và trung cấp Y Dược và các cơ sở y tế khác.

❖ **Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:**

Chuyên khoa I xét nghiệm.

Thạc sĩ xét nghiệm.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 145 tín chỉ (Không tính TC môn GDQPAN và GDTC)

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Phổ thông trung học.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc xác thực hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT; Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo Quyết định số 435/2015/QĐ-DHB ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng).

6. Thang điểm: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc xác thực hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư 57/2012/TT-BGDĐT; Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo Quyết định số 435/2015/QĐ-DHB ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng).

7. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c)
7.1. Khối kiến thức cơ bản			32	
7.1.1. Giáo dục quốc phòng			8	
1	02309	LT – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5(5,0,10)	
2	02310	TH– Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	3(0,3,3)	
7.1.2. Giáo dục thể chất			3	
1	00044	Giáo dục thể chất 1 (*)	1(0,1,1)	
2	00045	Giáo dục thể chất 2 (*)	1(0,1,1)	
3	03066	Giáo dục thể chất 3 (*)	1(0,1,1)	
7.1.3. Ngoại ngữ			14	
1	02764	Intensive English-A1a	3(3,0,6)	
2	02765	Intensive English-A1b	4(4,0,8)	
3	02766	Intensive English-A2a	3(3,0,6)	
4	02767	Intensive English-A2b	4(4,0,8)	
7.1.4. Tin học			2	
1	00008	Tin học Đại cương	2(1,1,3)	
7.1.5. Lý luận Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh			11	
1	05068	Triết học Mác – Lê Nin	3(3,0,6)	
2	05069	Kinh tế chính trị Mác -Lê Nin	2(2,0,4)	
3	05070	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2(2,0,4)	
4	05071	Lịch sử Đảng công Sản Việt Nam	2(2,0,4)	
5	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2(2,0,4)	
7.1.6. Khoa học xã hội			5	
1	00042	Pháp luật đại cương	2(2,0,4)	
2	04808	Tư duy biện luận	3(3,0,3)	
7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành			22	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c)
1	03430	Nhập môn xét nghiệm /	1 (1,0,1)	
1	00034	Sinh học và di truyền /	2 (1,1,3)	
2	00693	Giải phẫu học /	1 (1,0,2)	
3	00677	Thực tập giải phẫu /	1 (0,1,1)	
4	00640	Mô phôi /	2 (1,1,3)	
5	00036	Phương pháp NCKH /	2 (1,1,3)	
6	00037	Tâm lý Y học-Đạo đức Y học /	2 (2,0,4)	
7	00038	Xác suất - Thống kê y học /	2 (1,1,3)	
8	00353	Sinh lý /	2 (1,1,3)	
9	04870	Sinh lý bệnh /	2 (2,0,4)	
10	04871	Miễn dịch học cơ bản và các kỹ thuật Miễn dịch /	1(1,0,2)	
11	00642	Nội cơ sở (bệnh học nội khoa) /	1 (1,0,2)	
12	00351	Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm /	1 (1,0,2)	
13	00641	Ngoại cơ sở (bệnh học ngoại khoa) /	1 (1,0,2)	
14	02796	Tổ chức y tế - Chương trình y tế - Giáo dục sức khỏe /	1 (1,0,2)	
7.2.2. Kiến thức chuyên ngành			85	
1	05435	Anh văn chuyên ngành 1 /	2 (2,0,4)	
2	05436	Anh văn chuyên ngành 2 /	2 (2,0,4)	
3	03431	Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản /	3 (1,2,3)	
4	00620	Hóa sinh 1 /	2 (2,0,4)	
5	00648	Thực hành Hóa sinh 1 /	1 (0,1,1)	
6	00683	Vi sinh 1 /	2 (2,0,4)	
7	00670	Thực hành Vi sinh 1 /	1 (0,1,1)	
8	00629	Ký sinh 1 /	1 (1,0,2)	
9	00659	Thực hành Ký sinh 1 /	1 (0,1,1)	
10	03432	Tổ chức quản lý PXN và an toàn sinh /	2 (2,0,4)	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c)
		học		
11	00617	Giải phẫu bệnh 1 (xét nghiệm tế bào 1)	2 (1,1,3)	
12	02195	Huyết học cơ sở (HH tế bào 1)	1 (1,0,2)	
13	02196	Thực hành Huyết học cơ sở (Huyết học tế bào 1)	1 (0,1,1)	
14	00628	Huyết học tế bào 2	1 (1,0,2)	
15	00657	Thực hành Huyết học tế bào 2	2 (0,2,2)	
16	00627	Huyết học Đông máu	1 (1,0,2)	
17	00646	Thực hành Đông máu	1 (0,1,1)	
18	00684	Vi sinh 2	1 (1,0,2)	
19	03433	Thực hành Vi sinh 2	3 (0,3,3)	
20	00685	Vi sinh 3	2 (2,0,4)	
21	00675	Thực hành Vi sinh 3	2 (0,2,2)	
22	00621	Hóa sinh 2	2 (2,0,4)	
23	03434	Thực hành Hóa sinh 2	2(0,2,2)	
24	00618	Giải phẫu bệnh 2 (xét nghiệm tế bào 2)	2 (1,1,3)	
25	00681	Truyền máu	1 (1,0,2)	
26	00668	Thực hành truyền máu	1 (0,1,1)	
27	00688	Xét nghiệm huyết học nâng cao	1 (0,1,1)	
28	00622	Hóa sinh 3	2 (2,0,2)	
29	00652	Thực hành Hóa sinh 3	2 (0,2,2)	
30	00633	Ký sinh trùng 2	2 (2,0,4)	
31	00663	Thực hành Ký sinh trùng 2	1 (0,1,1)	
32	00634	Ký sinh trùng 3	1 (1,0,2)	
33	00664	Thực hành Ký sinh trùng 3	2 (0,2,2)	
34	00612	Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm	2 (2,0,4)	
35	00690	Y sinh học phân tử	1 (1,0,2)	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c)
36	00614	Chống nhiễm khuẩn bệnh viện	1 (1,0,2)	
37	00686	Vi sinh 4	2 (2,0,4)	
38	00676	Thực hành Vi sinh 4	1 (0,1,1)	
39	00635	Ký sinh trùng 4	1 (1,0,2)	
40	00666	Thực hành Ký sinh trùng 4	2 (0,2,2)	
41	00623	Hóa sinh 4	2 (2,0,2)	
42	03435	Thực hành Hóa sinh 4	2 (0,2,2)	
43	05431	Thực hành tiên bệnh viện	1 (0,1,1)	
44	05432	Thực hành bệnh viện	16(0,16,16)	
Chọn 01 trong 02				
45.1	05433	Ảnh hưởng của thuốc trên kết quả xét nghiệm	1 (1,0,2)	
45.2	05434	Thiết lập khoảng tham chiếu cho các thông số xét nghiệm	1 (1,0,2)	
7.2.3. Khóa luận tốt nghiệp			6	
1	02936	Khóa luận tốt nghiệp	6(0,6,6)	
Học phần thay thế khóa luận			6	
1	02939	Lý thuyết tổng hợp xét nghiệm – Môn học thay thế khóa luận 1	3 (3,0,6)	
2	02940	Thực hành nghề nghiệp xét nghiệm – Môn học thay thế khóa luận 2	3 (0,3,3)	
Tổng cộng toàn khóa			145	

8. Khung chương trình

8.1. Kế hoạch đào tạo

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
HỌC KỲ 1			16	
1	02764	Intensive English-A1a	3(3,0,6)	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
2	02765	Intensive English-A1b	4(4,0,8)	
3	00034	Sinh học và di truyền	2 (1,1,3)	
4	00640	Mô phôi	2 (1,1,3)	
5	00693	Giải phẫu học	1 (1,0,2)	
6	00677	Thực tập giải phẫu	1 (0,1,1)	
7	04808	Tư duy biện luận	3(3,0,6)	
HỌC KỲ 2			17	
1	02766	Intensive English-A2a	3(3,0,6)	
2	02767	Intensive English-A2b	4(4,0,8)	
3	00038	Xác suất - Thống kê y học	2 (1,1,3)	
4	04765	Phương pháp NCKH	2 (2,0,4)	
6	00353	Sinh lý	2 (1,1,3)	
7	03430	Nhập môn xét nghiệm	1 (1,0,1)	
8	00351	Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm	1 (1,0,2)	
9	04870	Sinh lý bệnh	2 (2,0,4)	
HỌC KỲ HÈ 1				
Dành cho sinh viên đăng ký học phần GDTC-ANQP, học lại, học vượt, ...				
HỌC KỲ 3			17	
1	00042	Pháp luật đại cương	2(2,0,4)	
2	03432	Tổ chức quản lý PXN và an toàn Sinh học	2 (2,0,4)	
4	00037	Tâm lý Y học-Đạo đức Y học	2 (2,0,4)	
5	03431	Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản	3 (1,2,3)	
6	02796	Tổ chức y tế - Chương trình y tế - Giáo dục sức khỏe	1 (1,0,2)	
8	05436	Anh văn chuyên ngành 2	2 (2,0,4)	
9	04871	Miễn dịch học cơ bản và các kỹ thuật Miễn dịch	1(1,0,2)	
10	00617	Giải phẫu bệnh 1 (xét nghiệm tế bào 1)	2 (1,1,3)	
11	05435	Anh văn chuyên ngành 1	2 (2,0,4)	
HỌC KỲ 4			18	
1	00008	Tin học Đại cương	2(1,1,3)	
2	00620	Hóa sinh 1	2 (2,0,4)	
3	00648	Thực hành Hóa sinh 1	1 (0,1,1)	
4	00683	Vi sinh 1	2 (2,0,4)	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
5	00670	Thực hành Vi sinh 1	1 (0,1,1)	
6	02195	Huyết học cơ sở (HH tế bào 1)	1 (1,0,2)	
7	02196	Thực hành Huyết học cơ sở (Huyết học tế bào 1)	1 (0,1,1)	
8	00629	Ký sinh 1	1 (1,0,2)	
9	00659	Thực hành Ký sinh 1	1 (0,1,1)	
10	00684	Vi sinh 2	1 (1,0,2)	
11	00618	Giải phẫu bệnh 2 (xét nghiệm tế bào 2)	2 (1,1,3)	
12	00628	Huyết học tế bào 2	1 (1,0,2)	
13	00633	Ký sinh trùng 2	2 (2,0,4)	
HỌC KỲ HÈ 2				
Dành cho sinh viên đăng ký học phần GDTC-ANQP, học lại, học vượt, ...				
HỌC KỲ 5			18	
1	05068	Triết học Mác – Lê Nin	3(3,0,6)	
3	00657	Thực hành Huyết học tế bào 2	2 (0,2,2)	
4	00685	Vi sinh 3	2 (2,0,4)	
5	03433	Thực hành Vi sinh 2	3 (0,3,3)	
6	00621	Hóa sinh 2	2 (2,0,4)	
7	03434	Thực hành Hóa sinh 2	2 (0,2,2)	
8	00627	Huyết học Đông máu	1 (1,0,2)	
9	00663	Thực hành Ký sinh trùng 2	1 (0,1,1)	
10	00634	Ký sinh trùng 3	1 (1,0,2)	
11	00681	Truyền máu	1 (1,0,2)	
HỌC KỲ 6			18	
1	05069	Kinh tế chính trị Mác -Lê Nin	2(2,0,4)	
2	05070	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2(2,0,4)	
3	00646	Thực hành Đông máu	1 (0,1,1)	
5	00668	Thực hành truyền máu	1 (0,1,1)	
6	00622	Hóa sinh 3	2 (2,0,4)	
7	00652	Thực hành Hóa sinh 3	2 (0,2,2)	
8	00690	Y sinh học phân tử	1 (1,0,2)	
9	00664	Thực hành Ký sinh trùng 3	2 (0,2,2)	
10	00675	Thực hành Vi sinh 3	2 (0,2,2)	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
	00642	Nội cơ sở (bệnh học nội khoa)	1 (1,0,2)	
	00641	Ngoại cơ sở (bệnh học ngoại khoa)	1 (1,0,2)	
Chọn 01 trong 02				
11.1	05433	Ảnh hưởng của thuốc trên kết quả xét nghiệm ✓	1 (1,0,2)	
11.2	05434	Thiết lập khoảng tham chiếu cho các thông số xét nghiệm ✓	1 (1,0,2)	
HỌC KỲ HÈ 3				
Dành cho sinh viên đăng ký học phần GDTC-ANQP, học lại, học vượt, ...				
HỌC KỲ 7			19	
1	05071	Lịch sử Đảng công Sản Việt Nam	2(2,0,4)	
2	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2(2,0,4)	
3	00614	Chống nhiễm khuẩn bệnh viện	1 (1,0,2)	
4	00612	Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm	2 (2,0,4)	
5	00686	Vi sinh 4	2 (2,0,4)	
6	00676	Thực hành Vi sinh 4	1 (0,1,1)	
7	00635	Ký sinh trùng 4	1 (1,0,2)	
8	00666	Thực hành Ký sinh trùng 4	2 (0,2,2)	
9	00623	Hóa sinh 4	2 (2,0,4)	
10	03435	Thực hành Hóa sinh 4	2 (0,2,2)	
11	00688	Xét nghiệm huyết học nâng cao	1 (0,1,1)	
12	05431	Thực hành tiền bệnh viện	1 (0,1,1)	
HỌC KỲ 8			22	
1	05432	Thực hành bệnh viện	16(0,16,16)	
2	02936	Khóa luận tốt nghiệp	6(0,6,6)	
Học phần thay thế khóa luận			6	
2.1	02939	Lý thuyết tổng hợp xét nghiệm – Môn học thay thế khóa luận 1	3 (3,0,6)	
2.2	02940	Thực hành nghề nghiệp xét nghiệm – Môn học thay thế khóa luận 2	3 (0,3,3)	
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			145	



Ghi chú:

- Các học phần GDTC-ANQP sinh viên tự đăng ký học trong 3 năm đầu của khóa học.
- Các học kỳ hè: các Khoa chủ động cho sinh viên đăng ký trả nợ hoặc học vượt.....

8.2 Hướng dẫn thực hiện chương trình

❖ Chương trình giáo dục đại học này được thiết kế dựa trên văn bản sau:

- Quyết định của Thủ tướng chính phủ số 518/QĐ-TTg ngày 11/07/1997 thành lập trường thành lập trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng;
- Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc xác thực hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư 57/2012/TT-BGDĐT;
- Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT Ngày 17 tháng 2 năm 2011 Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ, tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;
- Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo Quyết định số 435/2015/QĐ-DHB ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng;

❖ Yêu cầu đối với sinh viên khoa và giáo viên khoa Xét nghiệm Y học

- Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Xét nghiệm Y học trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện đầy đủ các danh mục các học phần theo đúng quy định của khung chương trình đào tạo.
- Đề cương chi tiết học phần kèm theo chương trình này là cơ sở để theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nề nếp; thực hiện nội dung giảng dạy và nội dung của các đề thi kết thúc học phần.
- Giảng viên giảng dạy mỗi học phần có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và có chất lượng cao các nội dung dạy và học trong đề cương chi tiết môn học; đảm bảo chính xác phân phối tỷ lệ giờ: lý thuyết, thảo luận, bài tập thực hành, tự học.
- Lớp học mở theo đăng ký của sinh viên. Mỗi lớp học có ít nhất 20 sinh viên đăng ký trở lên.
- Thời gian cho sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ là theo quy chế đào tạo của Trường. Khi tích lũy đủ số tín chỉ qui định trong khung chương trình đào tạo thì sinh viên mới được xét cấp bằng tốt nghiệp.

9. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

❖ Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 45/2002/QĐ-BGD&ĐT, ngày 29 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

❖ Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 41/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 27 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

❖ Tư tưởng Hồ Chí Minh

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 35/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 31 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

❖ Anh văn chuẩn Châu Âu & Anh văn chuyên ngành

Nội dung học tập tương ứng với trình độ giao tiếp quốc tế và ngoại ngữ chuyên ngành y. Chương trình này giúp người học có khả năng nói, đọc, viết, nghe hiểu những giao tiếp thông thường và chuyên ngành y. Có thể áp dụng để tham khảo một số tài liệu y văn.

❖ Giáo dục thể chất

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12 tháng 9 năm 1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12 tháng 4 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

❖ Giáo dục quốc phòng – An ninh

Nội dung ban hành tại Quyết định số 12/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 09 tháng 5 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

❖ Xác suất - Thống kê y học

Trình bày được khái niệm cơ bản về xác suất và thống kê; nêu các bước của bài toán kiểm định giả thiết thống kê; áp dụng các bài toán thống kê phù hợp trong xử lý các số liệu y học.

❖ Tin học đại cương (ứng dụng văn phòng điện tử)

Soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng Word; dùng Excel hoặc FoxPro để nhập số liệu và làm các bài toán ứng dụng.

❖ Tâm lý y học – Đạo đức y học

Học phân cung cấp các kiến thức cơ bản về tâm lý và tâm lý y học; giải thích được một cách biện chứng về các hiện tượng tâm lý, cơ chế tác động của các yếu tố tâm lý tới sức khỏe; vận dụng được kiến thức tâm lý trong giao tiếp với bệnh nhân, với cộng đồng, với cộng đồng và giúp bệnh nhân vượt qua được một số khó khăn về mặt tâm lý.

Học phân cung cấp cho sinh viên các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành lâm sàng và nghiên cứu khoa học; trình bày được trách nhiệm của người cử nhân xét nghiệm theo quy định của Bộ Y tế và Hiệp hội y học thế giới; phân tích được các tình huống xảy ra trong nghề nghiệp theo nguyên lý đạo đức y học; thực hiện đúng



trách nhiệm của người sinh viên y khoa trong giao tiếp với bệnh nhân/ gia đình bệnh nhân/ các thành viên khác trong nhóm và trong thực hành nghề nghiệp dựa trên các quy định chung của quốc tế và Việt Nam.

❖ Sinh học và di truyền

Học phần giới thiệu cho sinh viên các nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại (nhất là sinh học phân tử); phục vụ thiết thực cho các môn y học cơ sở và lâm sàng; làm được một số kỹ thuật để minh họa kiến thức sinh học và di truyền.

❖ Giải phẫu học

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về vị trí, hình thể, liên quan và cấu tạo của các bộ phận/ cơ quan/ hệ cơ quan của cơ thể người; nhận biết và nêu đúng được tên gọi của những chi tiết giải phẫu chính của các bộ phận/cơ quan cơ thể người; nêu lên được những liên hệ về chức năng và lâm sàng thích hợp.

❖ Sinh lý

Trình bày được các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan và điều hòa chức năng trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường; vận dụng được những kiến thức cơ bản sinh lý học để giải thích một số rối loạn chức năng và áp dụng vào việc học tập các môn lâm sàng.

❖ Giải phẫu bệnh

Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái học của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý; nhận định được mối quan hệ giữa hình thái và chức năng; giữa con người và môi trường sống trong việc phân tích những biểu hiện lâm sàng của bệnh; vận dụng kiến thức đã học cả về lý thuyết và thực hành để xác định chẩn đoán một số bệnh thường gặp ở Việt Nam, tìm hiểu nguyên nhân để đóng góp cho điều trị, phòng bệnh cũng như chăm sóc sức khỏe ban đầu.

❖ Sinh lý bệnh - miễn dịch

Học phần giới thiệu quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình – quy luật hoạt động của bệnh nói chung để vận dụng vào thực hành lâm sàng. So sánh phân biệt bản chất và hiện tượng trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học trên cơ sở phân tích và tổng hợp các hiện tượng bệnh lý.

Giải thích và mô tả về hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; các giai đoạn, các yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể; vai trò của hệ thống miễn dịch không đặc hiệu và hệ thống miễn dịch đặc hiệu (miễn dịch thể dịch và miễn dịch qua trung gian tế bào) trong khả năng đề kháng phòng chống bệnh tật của cơ thể; những điểm cơ bản nhất về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn, thiếu năng miễn dịch và tự miễn..

❖ Miễn dịch học cơ bản và các kỹ thuật Miễn dịch

Trang bị các kiến thức cơ bản miễn dịch học, các đáp ứng miễn dịch, ứng dụng các kỹ thuật miễn dịch trong chẩn đoán phát hiện và theo dõi điều trị bệnh

❖ Nội cơ sở (bệnh học nội khoa)

Với học phần nội cơ sở sinh viên sẽ được học về kỹ thuật khám toàn thân và các tạng; các tổn thương cơ bản của bệnh, các triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm và Xquang chính của bệnh; phân biệt được bệnh này với bệnh khác; các nguyên nhân chính của các hội chứng.

❖ Ngoại cơ sở (bệnh học ngoại khoa)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về cách khám, các triệu chứng và các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp; một số kiến thức cơ bản về gây tê, gây mê, vô khuẩn và tiệt khuẩn trong ngoại khoa. Khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp.

❖ Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm

Trình bày được các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; tính toán được các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng, mô tả được tình hình sức khỏe và bệnh tật của cộng đồng. Trình bày được cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh. Trình bày được cách đánh giá một chương trình can thiệp.

❖ Tổ chức quản lý PXN và an toàn sinh học

Môn tổ chức, quản lý PXN và an toàn sinh học nhằm trang bị cho sv những kiến thức:

- Tổ chức quản lý phòng xét nghiệm thuộc tuyến tỉnh.
- Những kiến thức cơ bản về an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm như: phân loại vi sinh vật gây bệnh theo nhóm nguy cơ, đánh giá mức độ nguy cơ, từ đó đề ra các biện pháp phòng ngừa và xử lý các sự cố về an toàn sinh học, xây dựng phòng xét nghiệm có cấp độ an toàn sinh học phù hợp với nhóm nguy cơ.

❖ Tổ chức y tế - Chương trình y tế - Giáo dục sức khỏe

Nắm vững các quan điểm cơ bản của Đảng về công tác y tế và chiến lược mục tiêu của ngành. Trình bày được khái niệm, nguyên lý nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Việt Nam. Nêu được các nguyên tắc chăm sóc bệnh nhân và chống nhầm lẫn thuốc men. Trình bày được các chương trình y tế quốc gia đang triển khai tại Việt Nam. Trình bày được các định nghĩa, nguyên tắc và phương pháp, phương tiện giáo dục nâng cao sức khỏe.

❖ Nhập môn xét nghiệm

Môn học nhập môn xét nghiệm giới thiệu cho sinh viên biết đặc điểm chung, đối tượng phục vụ và vai trò của xét nghiệm trong công tác chẩn đoán và điều trị bệnh. Môn học giới thiệu đặc điểm riêng từng chuyên ngành Sinh hóa, huyết học, vi sinh, ký sinh và

giải phẫu bệnh đồng thời giới thiệu cách tổ chức sắp xếp trong 01 phòng xét nghiệm đa khoa.

❖ Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản

Trình bày được kết quả xét nghiệm theo hệ thống đơn vị quốc tế, chuyển đổi từ đơn vị thường sang đơn vị quốc tế và ngược lại. Mô tả cấu tạo, tính năng, sử dụng và bảo trì các phương tiện máy móc, dụng cụ ở phòng xét nghiệm. thực hành đúng một số quy trình kỹ thuật cơ bản về hóa sinh, huyết học, vi sinh, ký sinh trùng, kỹ thuật mô.

❖ Hóa sinh 1

Trình bày về cấu tạo hóa học và chuyển hóa các chất glucid – Lipid - Protid và sự liên quan chuyển hóa giữa các chất trên.

❖ Hóa sinh 2

Trình bày về chuyển hóa muối nước, chức năng gan, chức năng thận, điều hòa thăng bằng acid – base và rối loạn lipoprotein máu.

❖ Hóa sinh 3

Xét nghiệm Hóa sinh trong một số bệnh nội khoa: Đái tháo đường, nhồi máu cơ tim cấp, suy tim sung huyết cấp. Bệnh lý tuyến giáp, Enzym lâm sàng và xét nghiệm dịch não tủy.

❖ Hóa sinh 4

Xét nghiệm hóa sinh trong một số hội chứng : Hội chứng Down, hội chứng viêm. Xét nghiệm chẩn đoán nhiễm CMV, Toxo, Rubella. Xét nghiệm hóa sinh trong chẩn đoán và theo dõi điều trị bệnh loãng xương.

❖ Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm

Tham gia tổ chức, quản lý một phòng xét nghiệm tuyến tỉnh. Trình bày được nguyên nhân cơ bản làm sai lệch kết quả xét nghiệm và cách khắc phục. Làm được giá trị đối chiếu cho một xét nghiệm thông thường. Làm nội kiểm tra và xử lý được những tình huống kết quả xét nghiệm ra ngoài phạm vi kiểm tra.

❖ Vi sinh 1

Học phần giới thiệu về các đặc điểm: hình dạng, cấu trúc, nuôi cấy, kháng nguyên và miễn dịch của vi sinh vật y học.; mối quan hệ vi sinh vật, môi trường và cơ thể, khả năng và cơ chế gây bệnh của vi sinh vật; các phương pháp xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh; các nguyên tắc phòng bệnh và điều trị các bệnh nhiễm vi sinh vật

❖ Vi sinh 2

Vi rút gây bệnh. Thực hiện các kỹ thuật nuôi cấy định danh, kháng sinh đồ.

❖ Vi sinh 3

Giải thích được các tiêu chuẩn chẩn đoán vi sinh y học. Thực hiện các kỹ thuật nuôi cấy, phân lập, xác định các vi khuẩn gây bệnh và kháng sinh đồ. Biết cách pha chế thuốc nhuộm, thuốc thử, môi trường nuôi cấy, chuyên chở.

❖ Vi sinh 4

Trình bày kiến thức cơ bản về chống nhiễm khuẩn bệnh viện. Trình bày một cách khái quát về sinh học phân tử hóa miễn dịch và các ứng dụng. Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản về sinh học phân tử và hóa miễn dịch. Tổ chức, quản lý phòng xét nghiệm vi sinh. Phân tích được giá trị vi sinh lâm sàng.

❖ Ký sinh trùng 1: Đại cương Ký sinh trùng y học, Đơn bào

Sinh viên được giới thiệu về hệ thống phân loại của các ký sinh trùng ký sinh ở người, các hình thái ký sinh, ký chủ và chu trình phát triển của ký sinh trùng. Những đơn bào ký sinh và gây bệnh cho người thường gặp tại Việt Nam sẽ được đề cập đến.

❖ Ký sinh trùng 2: Giun, sán

Các giun, sán ký sinh và gây bệnh ở người có gặp ở Việt Nam sẽ được giới thiệu. Ngoài ra các sinh viên sẽ hiểu thêm về hiện tượng tăng bạch cầu ái toan và thiếu máu trong các bệnh ký sinh trùng. Các bệnh ký sinh trùng cơ hội, bệnh động vật ký sinh, hội chứng ấu trùng di chuyển cũng sẽ được đề cập đến.

❖ Ký sinh trùng 3: Sốt rét, Động vật chân khớp có vai trò trong y học

Cung cấp những kiến thức cơ bản về sinh học, hình thể, vai trò gây bệnh và những kỹ thuật chẩn đoán bệnh sốt rét. Đồng thời cũng trình bày hiện tượng ký sinh trùng sốt rét kháng thuốc hiện nay và những nội dung trong phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét trên thế giới và tại Việt Nam. Các động vật chân khớp có vai trò trong y học cũng được giới thiệu cùng với cách phòng chống.

❖ Ký sinh trùng 4: Vi nấm y học

Các bệnh ở da, dưới da, nội tạng, bệnh cơ hội do vi nấm sẽ được trình bày. Phương pháp thu thập và xử lý bệnh phẩm, những kỹ thuật thông thường để tìm vi nấm cũng được giới thiệu

❖ Huyết học cơ sở (Huyết học tế bào 1)

Trình bày được kiến thức cơ bản về huyết học cơ sở. Tổ chức phòng xét nghiệm huyết học và truyền máu.

❖ Huyết học tế bào 2

Trình bày được kiến thức các bệnh về máu như thiếu máu- Leucemie. Suy tủy- đa hồng cầu.

❖ Huyết học đông máu

Trình bày được kiến thức các bệnh về máu như sinh lý đông cầm máu- Xét nghiệm khảo sát đông cầm máu- bệnh lý đông máu.

V
TRƯỜNG
HỌ
TÊN
G BÀ
★

❖ Truyền máu

Trình bày được kiến thức về huyết học truyền máu an toàn truyền máu, tai biến truyền máu, chế phẩm máu.

❖ Y sinh học phân tử

Trình bày một cách khái quát về sinh học phân tử hóa miễn dịch và các ứng dụng

❖ Chống nhiễm khuẩn bệnh viện

Khái niệm về kiểm soát nhiễm khuẩn và tầm quan trọng công tác KSNK bệnh viện. Mô hình hoạt động công tác KSNK, hướng dẫn công tác phòng ngừa chống dol và phòng xét nghiệm. Sự dụng phương tiện phòng hộ cá nhân khi lấy máu và vận chuyển bệnh phẩm. Hướng dẫn xử lý an toàn bệnh phẩm và vệ sinh môi trường phòng xét nghiệm.

❖ Thực hành ký sinh trùng 1

Hình thái các loại ký sinh trùng đường ruột giun, sán, đơn bào

❖ Thực hành ký sinh trùng 2

Các kỹ thuật chẩn đoán KST đường ruột, Phân học chức năng

❖ Thực hành ký sinh trùng 3

Hình thái KST sốt rét, Các kỹ thuật chẩn đoán KST sốt rét

❖ Thực hành ký sinh trùng 4

Vi nấm Xét nghiệm tìm vi nấm trong các loại bệnh phẩm, cấy và định danh vi nấm, tiết túc trong y học.

❖ Thực hành huyết học cơ sở

Rèn luyện kỹ năng lấy máu và đếm thành thạo số lượng các loại tế bào để thành lập công thức máu

❖ Thực hành huyết học tế bào

Các xét nghiệm thường quy, để đánh giá tình trạng thiếu máu, nhiễm trùng.....

❖ Thực hành đông máu

Những xét nghiệm khảo sát số lượng+ chất lượng tiểu cầu. Độ bền vững của thành mạch. Khảo sát con đường đông máu nội + ngoại sinh

❖ Thực hành truyền máu.

Phân loại nhóm máu hệ ABO +Rh

- Tìm những kháng thể lạ trong huyết thanh.
- Đảm bảo an toàn truyền máu

❖ Thực hành xét nghiệm huyết học nâng cao

Nhận biết các tế bào non

Nhận biết các lame bệnh lý đưa ra hướng chuẩn đoán

❖ Thực hành Vi Sinh 1

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức về đặc điểm sinh lý, cấu trúc kháng nguyên, tính chất sinh vật hóa học của vi khuẩn để giúp cho công tác chẩn đoán và thực hiện những kỹ thuật cơ bản được sử dụng trong các xét nghiệm Vi sinh như: Pha chế một số môi trường nuôi cấy, thuốc thử, thuốc nhuộm sử dụng trong chẩn đoán vi khuẩn. Thực hiện một số phương pháp nhuộm, nuôi cấy xác định tính chất sinh vật hoá học và kỹ thuật kháng sinh đồ.

❖ Thực hành Vi Sinh 2

Điều kiện tiên quyết: Vi sinh 1

Nội dung gồm kiến thức về đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh và các phương pháp chẩn đoán vi khuẩn học từng loại vi khuẩn gây bệnh. Thực hiện kỹ thuật nuôi cấy phân lập và xác định các vi khuẩn gây bệnh...

❖ Thực hành Vi Sinh 3

Điều kiện tiên quyết: Vi sinh 1, 2

Nội dung gồm kỹ năng thực hiện kỹ thuật chẩn đoán vi sinh vật gây bệnh từ các loại bệnh phẩm

❖ Thực hành Vi Sinh 4

Điều kiện tiên quyết: Vi sinh 1, 2, 3

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về các phương pháp phân tích chẩn đoán vi sinh vật gây bệnh từ các bệnh phẩm lâm sàng và ứng dụng một số kỹ thuật chẩn đoán vi sinh hiện đại.

❖ Thực hành Hóa sinh 1

Khảo sát phản ứng tạo phức màu với Iod của PS

Khảo sát định tính phân biệt đường khử và đường không khử (Glucose, Fructose, Maltose, Lactose, Saccharose, tinh bột) bằng phản ứng Fehling.

Thực hiện thủy phân PS bằng acid vô cơ.

Khảo sát định tính nhận biết Peptid, Protein bằng phản ứng Biure.

Khảo sát sự kết tủa Protein bằng các tác nhân nhiệt độ, pH, các loại muối trung tính

Khảo sát sự hòa tan của Lipid (dầu ăn) trong các dung môi khác nhau

Thực hiện phản ứng xà phòng hóa từ dầu ăn.

Khảo sát ảnh hưởng của các chất nhũ hóa đến độ bền của nhũ tương dầu trong nước.

Khảo sát khả năng thủy phân tinh bột của enzyme Amylase lấy từ nước bọt.

Khảo sát ảnh hưởng của chất hoạt hóa, chất ức chế và nhiệt độ đến hoạt tính của Amylase

❖ Thực hành Hóa sinh 2

Định lượng Glucose huyết, Glucose niệu, định lượng HbA1c trên máy sinh hóa bán tự động bằng các bộ thuốc thử có sẵn.

Định lượng Triglycerid, Cholesterol, HDL-C, LDL-C trong huyết thanh hoặc huyết tương.

Định lượng Protein toàn phần, Albumin, Globulin trong huyết thanh hoặc huyết tương.

Định lượng acid uric trong huyết thanh hoặc huyết tương.

Tổng phân tích định tính 10 thông số cơ bản trên mẫu nước tiểu tươi, quan sát bằng mắt hoặc bằng máy xét nghiệm nước tiểu.

❖ Thực hành Hóa sinh 3

Định lượng Urea trong huyết thanh và nước tiểu.

Định lượng Creatinine trong huyết thanh và nước tiểu.

Định lượng microalbumin trong nước tiểu.

Định lượng GOT, GPT, GGT trong huyết thanh hoặc huyết tương.

Định lượng Bilirubin toàn phần và Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh hoặc huyết tương

Định lượng Alkaine Phosphatase , Amylase trong huyết thanh hoặc huyết tương

Định lượng Calcium, Potassium, Sodium, Chloride trong huyết thanh.

❖ Thực hành Hóa sinh 4

Nguyên lý các xét nghiệm miễn dịch.

Hướng dẫn sử dụng máy ủ, rửa, đọc; hướng dẫn sử dụng phần mềm điều khiển máy đọc ELISA, thiết lập chương trình đo đĩa giếng, đọc kết quả.

Định tính HBsAg, Rubella, HIV,...

Định lượng T3, T4, TSH, ...

Xét nghiệm chỉ dấu ung thư : CEA, CA 19-9, AFP, ...

Test nhanh HBsAb, HBeAb, HCV,...

Seminar về các chuyên đề viêm gan B, viêm gan C, bệnh lý tuyến giáp, chỉ dấu ung thư.

❖ Thực hành tiền bệnh viện

Ôn tập lại những kỹ thuật xét nghiệm cơ bản về hóa sinh, vi sinh, huyết học, ký sinh.

❖ Ảnh hưởng của thuốc trên kết quả xét nghiệm

Sự thay đổi giá trị của một số Xét nghiệm thông thường do bệnh nhân dùng thuốc.

❖ **Thiết lập các khoảng tham chiếu cho các thông số xét nghiệm**

Các phương pháp thiết lập giá trị tham chiếu của các Xét nghiệm



K. 15.08.22

Sưu lưu VDT
19/20

Số: 314/TTr-XNYH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v : Thay đổi môn Thực hành bệnh viện khóa 2019,2020)

Kính gửi: Ban Giám hiệu Trường Đại Học Quốc Tế Hồng Bàng

Phòng Quản lý Đào tạo đại học

- Căn cứ theo chương trình đào tạo đại học khóa 2019, 2020 đã được phê duyệt ban hành theo quyết định số 425 ngày 08/08/2019.

- Khoa xem xét về kế hoạch đào tạo môn học Thực hành bệnh viện (mã môn 05432), có 16 tín chỉ của khóa 2019 (lớp XN19DH-XN1,2,3), khóa 2020 (XN20DH-XN1,2,3) chưa phù hợp. Khoa Xét nghiệm Y học xin kính trình Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo Đại học cho phép khoa điều chỉnh môn thực hành bệnh viện tách thành 03 môn cụ thể như sau:

Mã môn	Tên môn cũ	Số tín chỉ cũ	Tên môn mới	Số tín chỉ mới	Mã môn mới
05432	Thực hành bệnh viện	16	Thực tập kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh	5	06004.....
			Thực tập kỹ thuật xét nghiệm Vi- ký sinh	6	06005.....
			Thực tập kỹ thuật xét nghiệm Huyết học	5	06006.....

Khoa Xét nghiệm Y học kính trình Ban Giám hiệu, Phòng Quản lý đào tạo xét duyệt chương trình chỉnh sửa trên. Đồng thời việc thay đổi tín chỉ và tách môn học này sẽ áp dụng từ khóa 2019,2020.

Xin chân thành cảm ơn.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 2022

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC KHOA
(Về điều chỉnh chương trình đào tạo chính quy khóa 2019,2020)

Thời gian 14h00 ngày 04 tháng 07 năm 2022

Địa điểm : Văn Phòng Khoa Xét nghiệm Y học
(120 Hòa Bình, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú)

1. Thành Phần tham dự gồm các thành viên trong hội đồng khoa học khoa:

- PGS.TS. Hà Thị Anh- Chủ tịch hội đồng
- Ts. Nguyễn Chí Thanh – Thư ký
- Ts. Nguyễn Phú Hải- Ủy viên
- PGS.TS. Nguyễn Thị Nga- Ủy viên
- Ths. Vũ Hồng Hải- Ủy viên
- Ths. Nguyễn Văn Trung- Ủy viên
- Ths. Nguyễn Thị Ngọc Anh – Ủy viên

2. Nội dung cuộc họp:

Hội đồng thảo luận về việc rà soát và cập nhật lại chương trình đào tạo chính quy khóa 2019,2020 môn thực hành bệnh viện. Các thầy cô có ý kiến cụ thể:

1. Ý kiến của Thầy Vũ Hồng Hải

- Nên chia môn thực hành bệnh viện thành 03 môn Thực tập Hóa sinh (5 tín chỉ), Thực hành Vi- ký sinh (6 tín chỉ), Thực hành huyết học (5 tín chỉ)

2. Ý kiến Cô Nguyễn Thị Ngọc Anh – Phó Trưởng bộ môn vi sinh :

- Đồng ý tách môn thực hành bệnh viện thành 03 môn Thực tập Hóa sinh, Thực tập vi – ký sinh, Thực tập Hóa sinh và đi 16 tuần

3. Ý kiến Thầy Nguyễn Văn Trung – Trưởng bộ môn Hóa sinh

- Chương Trình Hóa sinh giữ nguyên tên thực hành bệnh viện

4. Ý kiến Thầy Nguyễn Phú Hải

- Đồng ý tách môn thực hành bệnh viện thành 03 môn Thực tập Hóa sinh, Thực tập vi – ký sinh, Thực tập Hóa sinh đi 10 tuần

5. Ý kiến cô Nguyễn Thị Nga

Thời lượng đi thực hành bệnh viện 16 tuần là hợp lý sinh viên sẽ học được nhiều kiến thức thực tế tại Bệnh viện. Nếu quỹ thời gian không cho phép thì mới giảm tải thời lượng đi thực hành tại bệnh viện xuống.

6. Ý kiến Thầy Nguyễn Chí Thanh

- Nên cho sinh viên đi thực hành nhiều ở bệnh viện để học được nhiều kiến thức
- Đồng ý tách thành 03 môn thực hành Thực tập kỹ thuật xét nghiệm Hóa sinh (5 tín chỉ), Thực tập kỹ thuật xét nghiệm Vi- ký sinh (6 tín chỉ), Thực tập kỹ thuật xét nghiệm huyết học (5 tín chỉ)

7. Ý kiến cô Hà Thị Anh

- Đồng ý sự thay đổi tách môn thực hành bệnh viện thành 03 môn Thực tập kỹ thuật xét nghiệm Hóa sinh (5 tín chỉ), Thực tập kỹ thuật xét nghiệm Vi- ký sinh (6 tín chỉ), Thực tập kỹ thuật xét nghiệm huyết học (5 tín chỉ)

Kết luận :

Sau khi thảo luận hội đồng thống nhất các ý kiến Môn thực hành bệnh viện thành thay đổi thành 03 môn :

- Thực tập kỹ thuật xét nghiệm Hóa sinh (5 tín chỉ),
- Thực tập kỹ thuật xét nghiệm Vi- ký sinh (6 tín chỉ)
- Thực tập kỹ thuật xét nghiệm huyết học (5 tín chỉ)

Cuộc họp kết thúc vào lúc 15h00 ngày 04/07/2022